

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT MARIE CURIE
- TỔ NGOẠI NGỮ -

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH
GIỮA HỌC KỲ 1 - KHỐI 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận (làm bài trên đề thi + phiếu trả lời trắc nghiệm)

USE OF ENGLISH	Trắc nghiệm	15 câu	x 0.2	= 3đ
	Tự luận	05 câu	x 0.2	= 1đ
LISTENING	Trắc nghiệm	10 câu	x 0.2	= 2đ
READING	Trắc nghiệm	15 câu	x 0.2	= 3đ
WRITING	Tự luận	05 câu	x 0.2	= 1đ

Yêu cầu đề bài:

Phonetics	Pronunciation: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others Stress: Choose the word whose position of stress differs from that of the others
Vocabulary	(Trắc nghiệm): Choose the best answer to complete the sentence (Tự luận): Supply the correct form of the words in parentheses to complete the sentence
Grammar	Choose the best answer to complete the sentence
Reading Comprehension 1	Read the passage and choose the best answer to each question
Reading Comprehension 2	Read the notes below and choose the best answer to each question
Guided Cloze Test	Choose the best answer to fill in each gap to complete the message/blog post
Sentence Sequencing	Choose the correct arrangement of the sentences (a-e) to make a meaningful letter/dialogue
Listening comprehension 1	Listen and decide whether each statement below is TRUE or FALSE
Listening comprehension 2	Listen to a dialogue and match the information with the correct person
Writing: Sentence Transformation	(Tự luận) Rewrite the sentence using the given word. You cannot change the form of the given word.

MA TRẬN

TT	Kiến thức/ Kỹ năng	Mức độ nhận thức						Tổng		
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
		Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ (%)	Số câu	Thời gian (phút)
1	Ngôn ngữ	28%	14	10%	5	2%	1	40	20	25
2	Nghe			10%	5	10%	5	20	10	5
3	Đọc	02%	1	14%	7	14%	7	30	15	20
4	Viết			6%	3	4%	2	10	5	10
Tổng		30%	15 câu	40%	20 câu	30%	15 câu	100	50	60
Tỉ lệ chung (%)		70				30		100		

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	KIẾN THỨC /KỸ NĂNG	Chủ đề	Tiêu chí	Chỉ báo	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức					
					Biết		Hiểu		Vận dụng	
					TN	TL	TN	TL	TN	TL
I.	USE OF ENGLISH	Từ vựng thuộc các chủ đề: - Holiday activities - Social activities - Life events (family and background; family tensions and arguments,...) - Personal experience (feelings/personality) - Negative prefixes	1. Phonetics: Phân biệt được sự khác nhau về dấu nhấn hoặc các âm trong từ cho sẵn.	I.1.1. Xác định được vị trí dấu nhấn ở từ có 2 âm tiết.	1					
				I.1.2. Xác định được vị trí dấu nhấn ở từ có từ 3 âm tiết.	1					
				I.1.3. Xác định được các âm nguyên âm trong một từ.	1					
				I.1.4. Xác định được các âm phụ âm trong một từ.	1					
			2. Vocabulary: Nhận biết các từ đơn trong cùng chủ đề và ngữ kết hợp các từ theo các chủ điểm đã học.	I.2.1. Nhận ra và nhớ lại được các từ vựng theo chủ đề đã học.	2	2				
				I.2.2. Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.			1	2		
				I.2.3. Hiểu được ngữ kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng.			1			1

		- Present simple vs. Present continuous - Present perfect vs. Present perfect continuous - Past tenses - used to vs. be used to vs. get used to - Will/ be going to - been to vs. gone to	3. Grammar: Nhận biết hình thái và cách sử dụng các điểm ngữ pháp đã học trong các ngữ cảnh khác nhau và trong các ngữ cảnh giao tiếp thông dụng.	I.3.1. Nhận biết hình thái các điểm ngữ pháp đã học.	3					
				I.3.2. Nhận biết các cách sử dụng thường gặp của các điểm ngữ pháp đã học.	3					
				I.3.2. Hiểu và sử dụng các điểm ngữ pháp đã học một cách chính xác trong bối cảnh giao tiếp.			1			
II.	LISTENING	- Talking and sharing feelings - Talking about holidays	1. Nghe một đoạn hội thoại trong khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học.	II.1.1. Nghe hiểu được ý chính của đoạn hội thoại giữa hai người nói về các tình huống hằng ngày.			1			
				II.1.2. Hiểu các thông tin chi tiết, từ vựng và cấu trúc chính trong các đoạn hội thoại ngắn và đơn giản.			2			
				II.1.3. Xác định được các lập luận chính và cách dẫn dắt câu chuyện trong các đoạn hội thoại về các tình huống quen thuộc.			2			
			2. Nghe một đoạn độc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) liên quan đến các chủ đề đã học.	II.2.1. Nghe và hiểu ý chính của đoạn nói về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày và công việc, nếu lời nói rõ ràng và có cấu trúc.						
				II.2.2. Hiểu được các chi tiết và thông tin cụ thể trong các bài nói chuẩn về các chủ đề quen thuộc, với ngữ điệu và tốc độ nói chuẩn						
				II.2.3. Hiểu được mục đích của người nói, xác định được các điểm quan trọng khi nghe các bài phát biểu có cấu trúc rõ ràng về các chủ đề phổ biến.					5	

III.	READING	- Holidays - Life stages - Experience	1. Đọc hiểu được những ý chính, nội dung chi tiết của các văn bản về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.	III.1.1. Hiểu được ý chính, nội dung chi tiết về các chủ đề và nội dung mang tính thời sự quen thuộc trong các văn bản khoảng 150-180 từ.						
				III.1.2. Hiểu được ý chính, nội dung chi tiết về các chủ đề và nội dung mang tính thời sự quen thuộc trong các văn bản khoảng 180-200 từ.			3		2	
				III.1.3. Hiểu được ý chính, nội dung chi tiết về các chủ đề và nội dung mang tính thời sự quen thuộc trong các văn bản khoảng 200-250 từ.						
		- Messages - Blog posts	2. Đọc hiểu được những thông tin quan trọng trong các văn bản thường gặp trong cuộc sống.	III.2.1. Hiểu được những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin quảng cáo thường nhật.						
				III.2.2. Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết và ngôn ngữ sử dụng trong thư tín và thư tay.	1		2		1	
				III.2.3. Hiểu được mạch lập luận của văn bản/đoạn hội thoại, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng.					2	
		- Dictionary entries (Phrasal verbs) - Learn this! - Strategies! ...	3. Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật cơ bản về các chủ đề đã học.	III.3.1. Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết các nội dung học thuật (mục từ trong từ điển, mục tham khảo về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng).			2			
				III.3.2. Vận dụng các nội dung kiến thức đã đọc để xác định					2	

				câu/đoạn văn chính xác trong ngữ cảnh mới.						
IV.	WRITING	- Past simple vs. Present perfect - Present perfect (continuous) - Be going to - Giving advice - Used to/ Be used to	1. Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước liên quan đến các chủ điểm đã học.	IV.1.1. Sử dụng từ gợi ý và các kiến thức ngữ pháp đã học để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.				3		
		IV.1.2. Sử dụng từ gợi ý và các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng đã học để viết lại câu thực hiện ít nhất hai chuyển đổi sao cho nghĩa không thay đổi.							2	
		- Holidays - Experience - Generations	2. Đọc và điều chỉnh một đoạn văn bản mang tính thời sự hoặc thông dụng về các chủ đề đã học	IV.2.1. Vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng và cú pháp đã học để xác định lỗi sai trong các đoạn văn bản mang tính thời sự và quen thuộc.						
Tổng từng phần					13	2	15	5	12	3
TỔNG					15		20		15	